TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 26/ 9 /2022
V/v: Ly hôn,tr/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Nguyệt
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Tiến;
Bà Mai Thị Tiếp. .
- ***Th□ ký phiên tòa****:* Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân *thành phố Thanh Hóa* ***tham gia phiên tòa:***
Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2022/ TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh L – Sinh năm: 2001(Có mặt)
Địa chỉ: B, phường T, thành phố T.
Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H – Sinh năm: 1997 (Vắng mặt)
Địa chỉ: T, phường N, thành phố T.
Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh L trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn với nhau vào ngày 08/11/2019, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường N, thành phố T. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng gay gắt mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải dàn xếp nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 14/5/2019. Ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Duy A, và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định ly hôn cho đến khi cháu Duy A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa làm bản tự khai, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phên hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, cố tình không khai báo, do vậy Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không tiến hành được phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con cái, tài sản và công nợ.

Anh H đã được tống đạt hợp lệ 02 lần nhưng không đến Tòa theo triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa làm bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa theo triệu tập thông báo của Tòa án không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Quỳnh L và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T vào ngày 08/11/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống chung với bố mẹ anh H đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, Nay không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn điều này đã được chị L, bố đẻ anh H và chính quyền địa phương nơi

anh chị cư trú xác nhận. Xét thấy việc xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh L.

Về con cái: Chị L và anh H có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 14/5/2019. Ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Duy A, và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định ly hôn cho đến khi cháu Duy A đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Duy A còn nhỏ, cháu đang ở với chị L, chị L hiện nay có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có nơi ở ổn định, vì vậy yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị L là phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy anh H lao động tự do, công ăn việc làm không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh H cấp dưỡng tiền nuôi con theo mức lương cơ bản do nhà nước quy định.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình để chấp chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Quỳnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc H (bị đơn) vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh H không đến Tòa án. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngọc H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh L và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T vào ngày 08/11/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2021. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt.Nay không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân đầu năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn điều này đã được chị L ông Nguyễn Ngọc T (bố đẻ anh H) và chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận, nay chị L làm đơn ly hôn anh H. Xét thấy hôn nhân tồn tại được dựa trên tình cảm từ hai phía, vợ chồng phải còn tình cảm, phải có trách nhiệm, quan tâm đến nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh chị không còn

tình cảm với nhau, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Xét thấy việc xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H. .

[3]. Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 14/5/2019. Ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Duy A, xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Duy A còn nhỏ, cháu đang ở với chị L, chị L hiện nay có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có nơi ở ổn định, vì vậy yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị L là phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Về yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định ly hôn cho đến khi cháu Duy A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy anh H lao động tự do, công ăn việc làm không ổn định nên số tiền chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp, vì vậy xét về điều kiện thu nhập của anh H và điều kiện hoàn cảnh của cháu Nguyễn Ngọc Duy A còn nhỏ nên chi phí cũng không như các cháu đã lớn , mặt khác việc nuôi con là trách nhiệm của cả bố và mẹ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa chị L không xuất trình được chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của anh H, vì vậy việc chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng mức tiền nuôi con như vậy là chưa phù hợp. Do vậy yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 đến khi cháu Nguyễn Ngọc Duy A đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí*:* Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; 228; 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1.Về hôn nhân*:* Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc Duy A, sinh ngày 14/5/2019. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc

Duy A. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng . Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2022 đến khi cháu Nguyễn Ngọc Duy A đủ 18 tuổi. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí:Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: A A/2021/0002107 ngày 22/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. L đã nộp đủ.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Ng- ời đ- ợc thi hành án, ng- ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. /

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND tp Thanh Hóa;
-Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph N;
-Lưu Hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt